

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 310/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2026

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

Số: **1664**.....

Ngày: **05/08/2026**.....

Chuyển:

Số và ký hiệu HS:

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và Nghị định số 118/2025/NĐ-CP

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường	X	
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP	X	
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2024/NĐ-CP, Nghị định số 69/2024/NĐ-CP và Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính

a) Bộ, cơ quan ngang bộ; cục, vụ thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan đại diện ngoại giao, đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục hành chính và tham gia vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã; các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục hành chính;

c) Các cơ quan khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản này sau đây được gọi tắt là cơ quan có thẩm quyền.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc Bộ Quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan công an thuộc Bộ Công an (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức).”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích; doanh nghiệp cung ứng dịch vụ để thực hiện công việc hỗ trợ theo hợp đồng dịch vụ; tổ chức, cá nhân được thuê hoặc được ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3

“4. Tài khoản giao dịch điện tử để giải quyết thủ tục hành chính (sau đây viết tắt là tài khoản giao dịch điện tử) là danh tính điện tử của cơ quan, cán bộ, công chức, viên chức có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập để đăng nhập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính khi thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9

“1. Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến như sau:

a) Khai mẫu đơn, tờ khai trên các biểu mẫu điện tử được cung cấp sẵn, ưu tiên việc tự động điền thông tin, xác nhận dữ liệu trên cơ sở kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trừ trường hợp thủ tục hành chính không yêu cầu mẫu đơn, tờ khai.

Tổ chức, cá nhân đăng nhập Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) bằng tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thì không phải thực hiện ký số biểu mẫu điện tử tương tác, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Đăng tải các giấy tờ, tài liệu điện tử hợp lệ hoặc dẫn nguồn tài liệu từ Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân. Trường hợp hệ thống đã kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì tự động khai thác, tái sử dụng hồ sơ, giấy tờ, dữ liệu đã được lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu để cá nhân, tổ chức kiểm tra lại trước khi nộp hồ sơ trực tuyến;

c) Ký chữ ký số hoặc chữ ký điện tử vào giấy tờ, tài liệu điện tử nếu có yêu cầu của quy định pháp luật. Thành phần hồ sơ được ký chữ ký số hoặc chữ ký điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy được ký hợp lệ.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11

“Điều 11. Quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

1. Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp nhận yêu cầu, kiểm tra tự động về mặt kỹ thuật. Nếu hồ sơ đã đủ các thành phần và bảo đảm về mặt kỹ thuật thì phản hồi tự động xác nhận tổ chức, cá nhân đã gửi thành công và thông báo về thời điểm hệ thống tiếp nhận hồ sơ.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ đăng nhập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và kiểm tra hồ sơ điện tử tổ chức, cá nhân gửi đến. Nội dung kiểm tra hồ sơ bao gồm:

a) Kiểm tra tính chính xác của thông tin tại mẫu đơn, tờ khai thông qua việc khai thác thông tin, dữ liệu tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin cho Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

b) Kiểm tra thông tin chữ ký số hoặc chữ ký điện tử để đảm bảo tính xác thực, tính hợp lệ, chính xác, nguyên vẹn đối với các thành phần hồ sơ được đăng tải, dẫn nguồn, các thành phần hồ sơ theo yêu cầu chứng thực điện tử; việc kiểm tra chữ ký số hoặc chữ ký điện tử được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử.

c) Tra cứu, khai thác thông tin về thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính trong các cơ sở dữ liệu được cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu công bố để không yêu cầu cung cấp thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính.

3. Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy trình quy định tại Chương III Nghị định số 118/2025/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Những thông tin, thành phần hồ sơ được nêu tại khoản 2 Điều này sau khi được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận và ghi nhận tính chính xác được lưu giữ tại Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Việc tiếp nhận, giải quyết đối với thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến chủ động được thực hiện theo quy định Luật Chuyển đổi số, Luật Dữ liệu và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật này.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 18

1. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 Điều 18 như sau:

“e) Có ký hiệu riêng và thông tin trên văn bản giấy được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“4. Hệ thống thông tin phục vụ khởi tạo, xử lý hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử phải có tính năng chuyển đổi hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử sang hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính bản giấy và bảo đảm các tính năng theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 137/2024/NĐ-CP.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

“Điều 21. Tiêu chí xác định thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp trên môi trường điện tử

1. Thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp trên môi trường điện tử khi đáp ứng các tiêu chí sau:

a) Quy định về các bộ phận tạo thành của thủ tục hành chính phải đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trên môi trường điện tử.

b) Thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc quy trình dựa trên dữ liệu đáp ứng yêu cầu:

Đã thiết kế biểu mẫu điện tử tương tác có cắt giảm thông tin phải điền; tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa, nếu có; hồ sơ, giấy tờ phải đính kèm; trình tự thực hiện đơn giản hóa, liên thông điện tử dựa trên việc tự động khai thác thông tin, dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đã tích hợp cho phép thanh toán trực tuyến đối với thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính.

Đã có quy trình số hóa, cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử.

c) Sẵn sàng về dữ liệu và hạ tầng phù hợp với tần suất, đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

d) Dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, xây dựng đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, phù hợp với phương án tái cấu trúc quy trình tại điểm b khoản này.

đ) Dịch vụ công trực tuyến đã được kiểm thử về kỹ thuật và trải nghiệm người dùng trước khi triển khai chính thức trên môi trường điện tử.

2. Bộ trưởng Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chi tiết khoản 1 Điều này.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

“Điều 22. Thực hiện thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu

1. Công bố dữ liệu và hướng dẫn kết nối, khai thác, sử dụng dữ liệu

Cơ quan, đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thực hiện:

a) Công bố dữ liệu theo mức độ hoàn thành của dữ liệu và hướng dẫn kết nối, khai thác sử dụng dữ liệu thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính.

b) Quyết định công bố được cập nhật, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Bảo đảm tính chính xác, cập nhật của dữ liệu được công bố để khai thác sử dụng dữ liệu thay thế thành phần hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính để tái sử dụng dữ liệu

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện:

a) Rà soát, xác định các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý có sử dụng thông tin, dữ liệu tại các cơ sở dữ liệu đã được công bố tại khoản 1 Điều này.

b) Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính dựa trên tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm hồ sơ, trình tự thực hiện của thủ tục hành chính.

c) Công bố, công khai thủ tục hành chính được tái cấu trúc trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

d) Việc tái cấu trúc quy trình, công bố, công khai thủ tục hành chính được tái cấu trúc tại điểm b, c khoản này bảo đảm phù hợp với khoản 1 Điều 9, điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

3. Kết nối, chia sẻ dữ liệu và thiết kế dịch vụ công dựa trên dữ liệu

Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý thủ tục hành chính được tái cấu trúc tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm:

a) Thiết kế dịch vụ công trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với phương án tái cấu trúc tại khoản 2 Điều này.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu đã được công bố, công khai tại khoản 1 Điều này với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

c) Kiểm thử, tích hợp, cung cấp dịch vụ công đã được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23

“1. Cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm soát thủ tục hành chính phối hợp cơ quan, đơn vị chuyên môn của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử; cắt giảm, đơn giản hóa thành phần hồ sơ thông qua đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử qua các giải pháp:

a) Bổ sung vào biểu mẫu điện tử các thông tin trong những thành phần hồ sơ có thể kiểm tra, xác thực được thông tin do đã tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. Đối với những thành phần hồ sơ loại này không yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp, đăng tải hoặc dẫn nguồn;

b) Yêu cầu tổ chức, cá nhân đăng tải bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc dẫn nguồn tài liệu đối với các giấy tờ, tài liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước đó;

c) Yêu cầu tổ chức, cá nhân đăng tải bản điện tử phù hợp quy chuẩn đối với các giấy tờ, tài liệu không phải kết quả giải quyết thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của giấy tờ, tài liệu do tổ chức, cá nhân đăng tải.

d) Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu đã được cơ quan, đơn vị chủ quản cơ sở dữ liệu công bố theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 25

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 như sau:

“1. Đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang được cơ quan có thẩm quyền quản lý, lưu trữ bằng văn bản giấy, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, bóc tách dữ liệu và lưu thông tin, dữ liệu tại các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan theo thẩm quyền đáp ứng yêu cầu quản lý và khai thác, sử dụng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25 như sau:

“2. Phương thức số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang điện tử bao gồm:

- a) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang điện tử bằng hình thức sao chụp và chuyển thành tệp tin trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;
- b) Bóc tách dữ liệu bảo đảm đầy đủ các thông tin và chính xác so với các giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;
- c) Chuyển nội dung của kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ giấy sang dữ liệu điện tử để lưu vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 26

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 26 như sau:

“2. Ban hành kế hoạch và chỉ đạo việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 26 như sau:

“Tổ chức việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, cơ quan ngang bộ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 26 như sau:

“7. Ban hành kế hoạch truyền thông về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử hoặc có nội dung truyền thông về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính để thu hút tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 26 như sau:

“9. Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện Nghị định này theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 27

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 như sau:

“3. Ban hành kế hoạch và chỉ đạo việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết để đảm bảo việc kết nối chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 như sau:

“Tổ chức việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 27 như sau:

“6. Ban hành kế hoạch truyền thông về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử hoặc có nội dung truyền thông về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trong kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính để thu hút tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 27 như sau:

“8. Định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện Nghị định này theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 28

“Điều 28. Bộ Tư pháp

Ngoài thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 24 Nghị định này, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an:

a) Xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Theo dõi, giám sát kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công của các bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2. Hướng dẫn việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.”.

Điều 13. Bổ sung Điều 28a sau Điều 28

“Điều 28a. Bộ Công an

1. Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành và bảo đảm kỹ thuật, an ninh mạng của Cổng Dịch vụ công quốc gia.
2. Hướng dẫn kết nối, chia sẻ dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành, bảo đảm tích hợp đầy đủ thông tin, dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp hướng dẫn kết nối, đồng bộ dữ liệu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và các hệ thống liên quan để phục vụ công tác theo dõi, giám sát, đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công; kết nối, chia sẻ dữ liệu của Cổng Dịch vụ công quốc gia với Nền tảng số về kiểm soát thủ tục hành chính để đánh giá, chấm điểm cải cách thủ tục hành chính của bộ, ngành, địa phương.
4. Hướng dẫn cập nhật, công bố, công khai cơ sở dữ liệu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định này.”.

Điều 14. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 29

“3. Hướng dẫn về chức năng, tính năng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm đáp ứng được yêu cầu triển khai thống nhất, đồng bộ về mặt kỹ thuật.”.

Điều 15. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm

1. Thay thế cụm từ “Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” thành “Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 367/2025/NĐ-CP và Nghị định số 309/2026/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 118/2025/NĐ-CP)” tại điểm g khoản 1 Điều 5.
2. Thay thế cụm từ “Điều 9 Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Điều 12 Luật Công nghệ thông tin năm 2006, Điều 7 Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Điều 8 Luật An ninh mạng năm 2018, Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và các quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 5 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” thành “Điều

9 Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15, Điều 7 Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Điều 5 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 và các quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 5 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP” tại khoản 3 Điều 5.

3. Thay thế cụm từ “Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh” thành “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” tại điểm c khoản 1 Điều 6; thay thế cụm từ “Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh” thành “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 10; thay thế cụm từ “Hệ thống thông tin một cửa cấp bộ” thành “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” tại khoản 4 Điều 26; thay thế cụm từ “Hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh” thành “Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính” tại khoản 5 Điều 27.

4. Thay thế cụm từ “Đăng ký tài khoản” thành “Tài khoản thực hiện thủ tục hành chính” tại tên Điều 7.

5. Thay thế cụm từ “khoản 1 Điều 15 Luật Giao dịch điện tử” thành “khoản 1 Điều 13 Luật Giao dịch điện tử” tại khoản 2 Điều 17.

6. Thay thế cụm từ “Văn phòng Chính phủ” thành “Bộ Tư pháp” tại khoản 3 Điều 24.

7. Thay thế cụm từ “Bộ Thông tin và Truyền thông” thành “Bộ Khoa học và Công nghệ” tại Điều 29.

8. Thay thế cụm từ “Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông” thành “Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 1 Điều 32.

9. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” thành “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 19, điểm b khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 31, khoản 2 Điều 32.

10. Bãi bỏ khoản 1 Điều 3.

11. Bãi bỏ cụm từ “Bảo hiểm xã hội Việt Nam” tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 24, “Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam” tại Điều 26.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). **14**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà